

ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI MỘT SỐ LOÀI TRONG CHI NGHỆ (*Curcuma*) CÓ TÁC DỤNG LÀM THUỐC Ở TÂY NGUYÊN

NGUYỄN QUỐC BÌNH

Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

NGUYỄN PHƯƠNG HẠNH

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Chi Nghệ (*Curcuma*) là một chi lớn trong họ Gừng (*Zingiberaceae*), có nhiều loài được ứng dụng vào thực tiễn từ xa xưa với các mục đích khác nhau (làm thuốc, gia vị, nhuộm). Nhiều loài có hình thái lá, rễ (củ), hoa khá giống nhau. Do vậy, hiện tượng thu hái nhầm lẫn vẫn thường gặp ở nhiều nơi làm ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng (tác dụng) của chúng. Để khắc phục hiện tượng này, chúng tôi cung cấp các thông tin đầy đủ nhất về các đặc điểm hình thái cơ bản của các loài trong chi Nghệ nhằm phân biệt, nhận dạng nhanh ngoài thiên nhiên để thu hái đúng loài cần thiết, đem lại hiệu quả sử dụng cao nhất.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp so sánh hình thái được áp dụng để định tên khoa học, trong đó dựa vào đặc điểm hình thái của các cơ quan sinh sản và sinh dưỡng để so sánh, trong đó đặc điểm của cơ quan sinh sản là chủ yếu vì đây là cơ quan ít biến đổi nhất trong các điều kiện sinh thái khác nhau. Các thông tin làm thuốc được cập nhật thông qua phỏng vấn người dân địa phương và tra cứu tài liệu.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Cho tới nay, chi Nghệ (*Curcuma*) có khoảng 120 loài phân bố ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới châu Á, đặc biệt là ở Nam và Đông Nam Á (Nguyễn Quốc Bình, 2011). Ở Việt Nam, hiện nay có tới 27 loài (Jana Leong-Škorničková, Ngọc-Sâm Lý & Quốc Bình Nguyễn, 2015), phân bố rải rác từ Bắc vào Nam. Cây ưa bóng, mọc dưới tán rừng ẩm, ven suối, ven nương rẫy, sinh trưởng tốt trên đất giàu dinh dưỡng, đất phù sa nhiều mùn ẩm, thoát nước, không chịu được úng. Đặc điểm đặc trưng của chi Nghệ (*Curcuma*) là cây thảo, cao 0,5-2 m, rễ phần lớn dạng ống, thân rễ có nhánh, dày, nạc, có mùi thơm. Lá có phiến hình mác rộng hay thuôn, hiếm khi là hình dải hẹp; cuống lá thường dài; lưỡi ngắn. Cụm hoa mọc từ thân rễ hay giữa các bẹ lá, thường hoa xuất hiện sau khi có lá, đôi khi hoa xuất hiện cùng lá hay trước lá. Các lá bắc dính với nhau nhiều hay ít ở phía dưới và làm thành dạng túi, phần trên xòe ra, mỗi lá bắc chứa một cụm nhỏ (*Cincinnus*) có 2-7 hoa, phía đầu các lá bắc có màu sắc khác nhau, các lá bắc con mở đến gốc. Hoa có phần dưới đài hình ống hay chuông ngắn, trên xẻ sâu 1 bên, đầu xẻ thành 2 hoặc 3 thùy dạng răng nhỏ; ống tràng dạng phễu hẹp, trên 3 thùy, các thùy gần bằng nhau hay thùy giữa hơi dài hơn hai thùy bên, đầu dạng mũ; bộ nhị có chỉ nhị ngắn, rộng; bao phấn 2 ô, góc ô bao phấn kéo dài xuống phía dưới thành dạng cựa hay không, phần phụ trung đới kéo dài lên trên thành mào hay không; cánh môi có phần giữa dày, mỏng hơn ở hai bên.

Sau đây là đặc điểm hình thái chi tiết một số loài trong chi Nghệ dùng làm thuốc phân bố ở Tây Nguyên:

1. *Curcuma alismatifolia* Gagnep. – Nghệ lá từ cô

Đặc điểm hình thái: Cây cao 40-50 cm. Phiến lá dạng mũi mác hẹp, cỡ 18-20 x 2-2,5 cm; cuống lá dài 10-40 cm; lưỡi lá không có. Cụm hoa hình trụ, cỡ 10-12 x 3-4 cm; mọc giữa các lá,

xuất hiện sau lá. Những lá bắc phía trên bất thụ, cỡ 5-6 x 1,8-2 cm, màu tím-hồng; các lá bắc ở phía dưới hữu thụ, cỡ 2,5-3 x 1,5-2,5 cm, màu xanh lục. Đài dạng chuông, dài 8-9 mm, màu trắng; phía trên chia thành 3 răng tam giác rộng. Tràng màu trắng; các thùy dài 1-1,2 cm, đầu thùy lưng dạng mũ, dài gấp 2 lần rộng. Cánh môi hình trứng ngược rộng, cỡ 1,5-1,7 x 1-1,3 cm, gần phía gốc màu tím nhạt dần rồi chuyển thành màu trắng, dọc 2 bên gân giữa có 2 dải hẹp màu trắng, đầu rách mép ngắn. Chỉ nhị dài bằng bao phấn; gốc bao phấn kéo dài thành chựa nhọn, đầu có mào. Nhị lép hình mũi mác, gần như dạng dải, dài đến 1 cm, đầu tù. Bầu có lông.

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 6-7. Cây ưa bóng, mọc dưới tán rừng ẩm, ven nương rẫy.

Phân bố: Kon Tum (Đắk Glei).

Bộ phận sử dụng và công dụng: Lá chống tiêu chảy, hoa ăn được.

2. *Curcuma kwangsiensis* S. G. Lee & C. F. Liang – Nghệ rừng

Đặc điểm hình thái: Cây cao đến 1 m. Thân rễ (củ) có vỏ màu trắng khi non, màu kem nhạt ở những cây trưởng thành, lát cắt ngang củ có màu vàng kem và có 2 vòng đồng tâm; vòng trong nhiều đốm nhỏ màu vàng sẫm. Phiến hình bầu dục dài, cỡ 30-60 x 10-20 cm, có lông tơ mềm rất ngắn; cuống lá dài 2-14 cm; lưỡi lá dài 1-1,5 mm. Cụm hoa mọc giữa các bẹ lá hay mọc ở bên, cỡ 13-15 x 6-7 cm. Các lá bắc cỡ 3,5-4,3 x 2,8-3 cm, màu trắng, phía đầu hồng nhạt; những lá bắc phía dưới bất thụ, màu trắng xanh, những lá bắc phía trên hữu thụ, màu trắng ở dưới, hồng rất nhạt trên đầu; lá bắc con cỡ 2,3-2,5 x 0,8-1 cm, màu hồng nhạt. Đài hoa dạng chuông, dài đến 1 cm, màu trắng. Ống tràng dài 1,8-2 cm, màu trắng, gốc phía trong có lông; các thùy dài 0,8-1 cm, màu đỏ, hình trứng. Cánh môi gần tròn, màu vàng, phía đầu chia 3 thùy, đầu thùy giữa xẻ 2. Bao phấn dài đến 4 mm, gốc mỗi bao phấn kéo dài thành chựa. Bầu hình bầu dục, dài đến 1 mm, nhiều lông. Nhị lép bên hình bầu dục dài.

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 3-7. Cây ưa ẩm, nhiều mùn. Mọc giữa các bãi cỏ lẫn cây bụi, ven đường mòn trong rừng, dọc suối nhỏ, ven nương rẫy.

Phân bố: Kon Tum (Đắk Glei; Đắk Choong).

Bộ phận sử dụng và công dụng: Thân rễ (củ) ngâm rượu uống chữa đau bụng (kinh nghiệm ở Đắk Choong, huyện Đắk Glei, Kon Tum).

Ghi chú: Loài này khác Nghệ (*Curcuma longa*) ở 2 mặt lá có lông tơ mềm, mảnh và các thùy tràng hình trứng, màu đỏ, (*Curcuma longa*: thùy tràng dạng tam giác đều, màu trắng). Cắt ngang củ (thân rễ) có màu vàng nhạt (Nghệ có màu vàng nghệ đặc trưng), mùi nghệ nhưng ngái.

3. *Curcuma cochinchinensis* Gagnep. – Nghệ nam bộ

Đặc điểm hình thái: Cây cao 40-60 cm. Lá thường 3, phiến lá cỡ 28-30 x 10-12 cm, mặt dưới đỏ và có lông nhung mịn; cuống lá dài đến 30 cm, có lông nhung mảnh; lưỡi lá không. Cụm hoa mọc giữa các lá, hình trứng, cỡ 3,5-6 x 2,5-3 cm; cuống cụm hoa dài 4-5 cm. Lá bắc hình trái xoan hẹp, cỡ 3 x 1,5 cm. Ống đài dài 1,3-1,5 cm, xẻ xiên 1 bên, đầu xẻ thành 3 răng ngắn. Ống tràng thò ra khỏi đài; các thùy hình bầu dục dài, lõm; thùy lưng nhọn đầu. Cánh môi gần như vuông, dài 1,6-1,9 cm, giữa phía đầu cánh môi rách mép. Bao phấn dài 6-7 mm; gốc mỗi bao phấn kéo dài thành chựa dẹt, tạo thành góc tù với bao phấn; mào cao 1-2 mm. Nhị lép hình bầu dục hay bầu dục rộng, kích thước như cánh môi. Bầu có lông. Vòi nhụy lép dạng chùy.

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 8, cây ưa bóng, ưa ẩm, mọc ven đường mòn, ven suối, dưới tán rừng thưa.

Phân bố: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk.

Bộ phận sử dụng và công dụng: Thân rễ có vị cay, hơi có mùi nghệ, được dùng chữa bệnh đau dạ dày.

4. *Curcuma thorelii* Gagnep. – Nghệ thorel

Đặc điểm hình thái: Cây cao đến 50 cm. Phiến lá hình bầu dục, cỡ 20-30 x 10-15 cm, có ít lông ở mặt dưới, 2 mép phiến lá màu đỏ; cuống lá 10-15 cm. Cụm hoa xuất hiện cùng với lá, mọc giữa các lá, hình trụ, dài 12-16 cm, rộng đến 3 cm; cuống cụm hoa dài 20-25 cm. Các lá bắc hữu thụ ở phía dưới của cụm hoa, màu xanh lục; các lá bắc phía trên bất thụ, màu trắng. Ống đài dài khoảng 1 cm; phía trên chia 3 răng không đều. Ống tràng loe hẹp, dài 1,5-1,8 cm, đột ngột loe rộng ra từ giữa lên trên; các thùy hình bầu dục; thùy lưng dài đến 1,5 cm, rộng gấp 2 lần 2 thùy bên. Cánh môi hình trái xoan hay bầu dục, cỡ 1,2-1,5 x 0,9-1 cm, màu tím hồng, rách mép. Chỉ nhị rộng đến 4 mm ở phía gốc; bao phấn dài đến 8 mm; bao phấn có cựa hình tam giác nhọn, mào hẹp, tròn. Nhị lép hình bầu dục, cỡ 1 x 0,5 cm, màu tím. Bầu có lông.

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 7, cây ưa bóng, mọc dưới tán rừng ẩm

Phân bố: Đắk Lắk.

Bộ phận sử dụng và công dụng: Thân rễ làm thuốc.

5. *Curcuma longa* L. – Nghệ

Đặc điểm hình thái: Cây 0,6-1 m. Củ cắt ngang có màu vàng, thơm mùi nghệ. Phiến lá hình bầu dục dài hay dạng trái xoan, cỡ 40-45 x 15-18 cm, nhẵn 2 mặt. Cụm hoa hình trụ, hay hình trứng dài, cỡ 12-15 x 4-6 cm; mọc từ giữa các lá. Các lá bắc hữu thụ ở phía dưới, dài 3-5 cm, màu trắng-xanh; những lá bắc phía trên bất thụ. Đài hoa dạng chuông, dài 1,4-1,6 cm, đầu xẻ xiên 1 bên, trên có 3 răng. Tràng màu trắng trong; ống tràng dài 2,8-3 cm; các thùy hình tam giác đều, cỡ 0,9-1,1 cm. Cánh môi gần tròn, đường kính 1,8-2 cm, màu vàng; phần trên chia 3 thùy không rõ ràng. Chỉ nhị cỡ 4-4,5 x 3-3,5 mm; bao phấn dài đến 4 mm, gốc mỗi bao phấn kéo dài xuống phía dưới thành cựa dài đến 3 mm, không mào. Nhị lép bên dạng trái xoan rộng, dài 1,2-1,3 cm. Bầu có lông.

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 7-8. Cây ưa bóng, ẩm, phát triển tốt hơn dưới tán cây thưa.

Phân bố: Trồng phổ biến ở Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.

Bộ phận sử dụng và công dụng: Thân rễ dùng làm thuốc chữa bệnh, làm gia vị, thuốc nhuộm màu vàng cho thực phẩm, quần áo, hóa trang cơ thể, làm mỹ phẩm.

6. *Curcuma rhomba* K. Larsen & J. Mood – Nghệ hoa cựa công

Đặc điểm hình thái: Cây cao 1-1,1 m. Phiến lá hình trái xoan rộng hay trái xoan, cỡ 29-46 x 9-18 cm, hai mặt nhẵn; cuống lá dài 6-21 cm; lưỡi lá dài 1,5-1,7, xẻ thành 2 thùy dài 7 mm. Cụm hoa gần như hình thoi, cỡ 9,5 x 5,5-6 cm, mọc giữa các lá; cuống cụm hoa dài đến 2 cm. Các lá bắc hình trứng, cỡ 3,8-4,5 x 2-3 cm, màu đỏ, mỗi lá bắc chứa 4 hoa; lá bắc con không có. Ống đài cỡ 2 x 0,4 cm, màu hồng. Ống tràng dài 4,2-4,5 cm, các thùy cỡ 1,7-1,9 cm x 4-5 mm, mặt ngoài màu đỏ sẫm, mặt trong màu vàng; thùy lưng có lông thưa. Cánh môi cỡ 1,5-1,7 x 0,7-0,9 cm; đầu xẻ sâu xuống 9 mm chia cánh môi thành 2 thùy. Chỉ nhị cỡ 6 x 3 mm; cựa dài 1-2 mm; mào cao 1 mm. Nhị lép bên hình thoi, cỡ 1,7 x 1,1 cm. Bầu cỡ 2 x 2 mm.

Sinh học và sinh thái: Mọc dưới tán rừng hỗn hợp thường xanh và rụng lá, hay rừng cây lá rộng.

Phân bố: Mới phát hiện ở Đắk Lắk.

Bộ phận sử dụng và công dụng: Thân rễ có thể dùng làm thuốc chống nắng.

7. *Curcuma stenochila* Gagnep. – Nghệ hoa vàng

Đặc điểm hình thái: Cây cao 35-40 cm. Phiến lá hình bầu dục, cỡ 10-13 x 7,5-8,5 cm, không lông; cuống dài 10-20 cm; lưỡi cao 2-3 mm, xẻ thành 2 thùy ngắn; bẹ lá không lông. Cụm hoa dạng trái xoan, mọc giữa các lá. Lá bắc phía dưới màu xanh, các lá phía trên màu hồng, hình bầu dục, cỡ 2-2,3 x 1-1,3 cm. Hoa màu vàng tươi. Ống dài dài 1,2-1,5 cm; phía trên chia thành 3 răng nhỏ. Ống tràng dài gấp hai lần dài; các thùy dài 1,6-1,8 cm, màu hồng hoặc trắng trong. Cánh môi hình bầu dục, dài 2-2,3 cm, rộng 7-8 mm, màu vàng, đầu xẻ thành 2 thùy. Bao phấn cỡ 4 x 1 mm; cựa dài đến 0,5 mm, mào mỏng, hình bán cầu. Nhị lép bên 2, dài đến 5 mm. Bầu hình cầu.

Sinh học và sinh thái: Cây ưa bóng, mọc sườn núi thấp, ven đường mòn, ven suối nhỏ, dưới tán rừng ẩm.

Phân bố: Kon Tum (Đắk Glei, Sa Thầy).

Bộ phận sử dụng và công dụng: Thân rễ được dùng làm thuốc chữa sóc da.

8. *Curcuma zanthorrhiza* Roxb. – Nghệ rễ vàng

Đặc điểm hình thái: Cây cao 1,5-2 m. Thân rễ cắt ngang màu vàng. Phiến hình bầu dục dài, cỡ 40-80 x 15-20 cm, mặt trên có dải màu nâu đỏ dọc theo gân giữa mặt trên nhưng không dài đến gốc phiến lá, nhẵn; cuống lá dài 1-30 cm; lưỡi lá nhỏ. Cụm hoa dạng chùy, cỡ 16-25 x 8-10 cm, mọc từ thân rễ. Các lá bắc hữu thụ ở phía dưới, chiều dài ngắn hơn chiều rộng, cỡ 2,8-3 x 3,2-3,5 cm, màu xanh tái; các lá bắc bất thụ ở phía trên, cỡ 6,5-7 x 2,8-3 cm, màu hồng; lá bắc con dài 2,3-2,5 cm. Ống dài dài 1,2-1,4 cm, trên chia thành 3 răng. Ống tràng dài 3,2-3,5 cm; các thùy hình trứng, cỡ 1,5-1,7 x 1,3-1,5 cm, màu đỏ tím. Cánh môi gần như vuông, cỡ 1,8-2 x 1,8-2 cm, màu vàng nhạt, gân giữa vàng sẫm. Bao phấn dài đến 4 mm; cựa hình dùi, cong, dài đến 3 mm. Nhị lép bên 2, hình bầu dục dài, cỡ 1,5-1,7 x 0,8-1 cm.

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 4. Cây ưa bóng, ưa ẩm, mọc dưới tán rừng ở độ cao 100-800 m.

Phân bố: Kon Tum (Đắk Tô).

Bộ phận sử dụng và công dụng: Thân rễ được dùng làm thuốc chữa bệnh (các bệnh liên quan đến gan; bệnh đường tiết niệu và viêm mô tế bào).

9. *Curcuma zedoaria* (Berg.) Rosc. – Nghệ đen

Đặc điểm hình thái: Cây cao 1-1,5 m; thân rễ (củ) dày, màu vàng ở trong. Phiến dạng mũi mác, cỡ 30-60 x 7-8 cm, có nhiều đốm đỏ dọc theo gân chính mặt trên; cuống lá dài đến 3 cm; bẹ lá dài đến 40 cm. Cụm hoa hình trụ, cỡ 15-20 x 4-5 cm, mọc ở bên từ rễ, sát với thân có lá, mọc trước lá. Các lá bắc phía dưới chứa hoa, dạng trái xoan hay mũi mác tù, dài 4-5 cm, màu xanh tái, màu đỏ ở mép. Ống dài dài 8-10 mm; phần trên chia thành 3 răng không đều. Ống tràng dài gấp 3 lần dài; các thùy dài đến 1,5 cm. Cánh môi dạng nêm, đầu hơi rách mép. Chỉ nhị dính vào nhị lép; bao phấn dài đến 6 mm; các cựa không bằng nhau, dài bằng nửa bao phấn; mào dạng bản ngắn. Nhị lép hình mũi mác tù hay bầu dục dài. Bầu có lông.

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 4-6. Cây ưa bóng, mọc dưới tán rừng ẩm, ven bờ suối, ven đường mòn hay được trồng trong vườn, ven nương rẫy.

Phân bố: Mọc hoang dại và được trồng nhiều nơi ở Tây Nguyên.

Bộ phận sử dụng và công dụng: Thân rễ già có viền xanh đen dùng làm thuốc trị đầy hơi, bệnh ngoài da, đau ngực, ăn không tiêu, chữa ho.

10. *Curcuma angustifolia* Roxb. – Nghệ lá hẹp

Đặc điểm hình thái: Cây cao 40-45 cm. Phiến hình mũi mác, cỡ 15-30 x 5-7 cm; cuống lá dài 12-15 cm. Cụm hoa cỡ 7-15 x 4-5 cm, xuất hiện trước lá, riêng với thân có lá. Đài hoa dạng chuông, phồng lên ở giữa, dài đến 1 cm; phần trên có 3 răng hình tam giác ngắn. Phần dưới tràng dạng phễu, có lông; các thùy hình bầu dục dài, dài 1,2-1,5 cm, có ít lông phía đầu. Cánh môi hình bầu dục, cỡ 10-11 x 6-7 mm, thót dần xuống phía gốc thành móng ngắn và rộng, chẻ 1/4 từ trên xuống. Chỉ nhị dài hơn bao phấn; bao phấn dạng trái xoan hẹp, không mào; chửa mỏng, hình tam giác nhọn. Bầu có lông.

Sinh học và sinh thái: Cây ưa bóng ít, mọc dưới tán rừng thứ sinh, nơi ẩm.

Phân bố: Kon Tum (Đắk Glei), Đắk Lắk (Ea Súp).

Bộ phận sử dụng và công dụng: Thân rễ giàu chất dinh dưỡng dùng để phục hồi sức khỏe cho người ốm, đặc biệt cho trẻ em cai sữa, vàng da, rối loạn thận.

11. *Curcuma elata* Roxb. – Mì tinh rừng

Đặc điểm hình thái: Cây cao 1 m hay hơn. Thân rễ cắt ngang có màu vàng sẫm ở giữa, màu vàng nhạt ở ngoài. Phiến lá hình bầu dục rộng, dài đến 1 m, rộng đến 30 cm, mặt dưới có lông mềm như nhung. Cụm hoa ở bên, cỡ 15-20 x 6-8 cm, mọc riêng với thân có lá, mọc trước lá. Các lá bắc hữu thụ ở phía dưới, gần như tròn, đường kính 5-6 cm. Ống đài dài đến 8 mm; phía trên có 3 răng tù. Ống tràng dài gấp 2 lần đài; các thùy dạng mũi mác, dài đến 2,5 cm. Cánh môi hình bầu dục, dài đến 2 cm, phía đầu có màu vàng, đầu rạch mép. Chỉ nhị dính một phần với nhị lép; bao phấn dài đến 7 mm, chửa ở gốc bao phấn, không bằng nhau. Bầu có lông.

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 3-5. Cây ưa bóng, mọc dưới tán rừng thưa, nơi ẩm.

Phân bố: Gia Lai (Mang Yang), Lâm Đồng (Dran, Lang Bian).

Bộ phận sử dụng và công dụng: thân rễ làm thuốc.

12. *Curcuma aromatica* Salisb. – Nghệ trắng

Đặc điểm hình thái: Cây cao 1-1,2 m. Phiến lá hình bầu dục dài cỡ 30-60 x 10-15 cm. Cụm hoa xuất hiện trước lá, cỡ 18-20 x 5-7 cm, mọc riêng và ngay cạnh gốc thân có lá. Các lá bắc hữu thụ dạng trái xoan hẹp, cỡ 4,5-5 x 2-2,5 cm, màu xanh; những lá bắc bất thụ ở phía trên của cụm hoa. Ống đài dài 7-9 mm; phần trên chia thành 3 răng tù. Phần dưới tràng dạng phễu, dài 2,5-2,8 cm; các thùy cỡ 1-1,2 x 0,8-1 cm, màu đỏ, thùy giữa rộng gấp 2 lần thùy bên, đầu dạng mũ. Cánh môi gần như tròn, cỡ 1,5-1,6 x 1,3-1,4 cm, màu trắng ngà, gân giữa màu vàng, đầu cánh môi chia 3 thùy không rõ. Chỉ nhị dài 6-7 mm; bao phấn dài 3-4 mm, mào ngắn; chửa dạng dùi nhọn, dài bằng bao phấn. Nhị lép cỡ 13-14 x 7-8 mm, đầu tù. Bầu hình cầu, có lông trắng dài.

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 4-6. Cây mọc dưới tán cây thưa hay thành đám rộng nơi sáng ven đường, ven suối.

Phân bố: Trồng và mọc hoang đại nhiều nơi ở Việt Nam: Lâm Đồng (Bảo Lộc).

Bộ phận sử dụng và công dụng: Thân rễ có vị cay, đắng, tính mát, làm thuốc trị tê thấp, làm lành vết thương; giã nhỏ tẩm rượu chữa ho gà.

III. KẾT LUẬN

- Chi Nghệ (*Curcuma* L.) ở Việt Nam có 27 loài, trong đó 12 loài được sử dụng làm thuốc chiếm 44,4% tổng số loài nghệ đã biết tại Việt Nam. Thân rễ (củ) là bộ phận được sử dụng làm thuốc chủ yếu (11/12 loài).

- Đã mô tả đặc điểm nhận dạng cũng như đặc điểm sinh học, sinh thái của 12 loài có giá trị làm thuốc thuộc chi Nghệ có phân bố tại Tây Nguyên.

Lời cảm ơn: Tác giả xin chân thành cảm ơn đề tài mã số: VAST 04.10/15-16 thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã tài trợ kinh phí để thực hiện nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo kỹ thuật điều tra thành phần thực vật tại khu vực xã Hiếu, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum, 2014. WAR và Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam.
2. Nguyễn Quốc Bình, 2011. Nghiên cứu phân loại họ gừng (Zingiberaceae Lindl.) ở Việt Nam. Luận án Tiến sĩ Sinh học, Hà Nội.
3. Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, Nxb. Y học Tp. Hồ Chí Minh.
4. Phạm Hoàng Hộ, 2000. Zingiberaceae - Họ gừng. Cây cỏ Việt Nam, Nxb. Trẻ, tập 3: 432 -461.
5. Dinh Thanh Sang, 2012. Asian Journal of Biodiversity. Vol. 3: 23-49.
6. Gita thapa and Bharat Basistha, 2014. Analysis of antioxidant in Curcuma angustifolia rhizome by 2,2- diphenyl-1-picrylhydrazyl (DPPH) method. Int J Pharm Bio Sci 2014 Oct; 5(4): (B) 581-585
7. Jana Leong - Škorníčková, Ngọc Sâm Lý và Quốc Bình Nguyễn, 2015. Phytotaxa, 192 (3): 181–189.
8. Rao, S. M., R. Rao, 1914. Flowering plants of Travancore, Trivendrum: Government Press, Vol –XIV: 400.
9. Raushanara, A., S. M. Raquibul Hasan, M. Mokarram Hossain, Mariam Jamila, Sultana. Chowdhury, M.E.H. Mazumder, Shafiqur Rahman, 2010. Australian Journal of Basic and Applied Sciences, 4(3): 450-456.

MORPHOLOGICAL CHARACTERISTICS OF SOME MEDICINAL SPECIES OF *Curcuma* IN THE CENTRAL HIGHLANDS OF VIETNAM

NGUYEN QUOC BINH, NGUYEN PHUONG HANH
SUMMARY

The genus *Curcuma* consists of 120 species, distributed in tropical and subtropical Asia. In Vietnam, there are 27 species of *Curcuma*. Morphologically the genus is characterized by the presence of inflorescences which are mostly produced straight from the rhizomes. Many species of *Curcuma* are used as folk medicine.

There are 12 species of *Curcuma* found in the Central Highlands of Vietnam, constituting 44.4% of the species total which are used as medicine. The rhizomes of most species are used as medicine. The characteristics used to identify these plants, biological and ecological information and distribution of the genus *Curcuma* are covered in this paper.